

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước Quý III năm 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của tỉnh Đắk Nông 09 tháng đầu năm 2020, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 09 tháng đầu năm 2020 là 1.768.505 triệu đồng (không kể thu từ Quỹ dự trữ tài chính), đạt 72% dự toán Trung ương, 66% dự toán địa phương, giảm 7% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 1.673.599 triệu đồng, đạt 73% dự toán Trung ương, 66% dự toán địa phương, giảm 5% so với thực hiện cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Một số khoản thu, lĩnh vực có đóng góp lớn trong tổng thu NSNN trên địa bàn đạt thấp, cụ thể:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 338.921 triệu đồng, đạt 57% dự toán Trung ương, 54% dự toán địa phương, giảm 23% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý 20.762 triệu đồng, đạt 48% dự toán Trung ương và địa phương giao, giảm 13% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 360.103 triệu đồng, đạt 64% dự toán Trung ương, 59% dự toán địa phương.

+ Các khoản thu từ đất giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, không đạt tiến độ theo dự toán đề ra, trong đó: Tiền thuê đất, mặt nước là 9.045 triệu đồng, đạt 42% dự toán Trung ương, 11% dự toán địa phương, giảm 82% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; tiền sử dụng đất 261.801 triệu đồng, đạt 94% dự toán Trung ương, 82% dự toán địa phương.

- Bên cạnh đó, vẫn có một số khoản thu đạt khá như:

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 58.460 triệu đồng, đạt 234% dự toán Trung ương, 172% dự toán địa phương, tăng 2% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó, chủ yếu đóng góp từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam và thuế nhà thầu của Công ty TNHH Olam Việt Nam, với tổng số tiền là 45.000 triệu đồng.

+ Thuế thu nhập cá nhân 119.779 triệu đồng, đạt 83% dự toán Trung ương và địa phương giao, tăng 16% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Thuế bảo vệ môi trường 116.929 triệu đồng, đạt 81% dự toán Trung ương, 79% dự toán địa phương, tăng 18% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

+ Thu phí, lệ phí 160.383 triệu đồng, đạt 92% dự toán Trung ương, 88% dự toán địa phương, tăng 33% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản Alumina là 128.000 triệu đồng.

2. Thu xuất nhập khẩu 81.947 triệu đồng, đạt 48% dự toán Trung ương và địa phương giao, giảm 58% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 12.959 triệu đồng, tăng 70% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Tóm lại, thu NSNN 09 tháng đầu năm 2020 chưa đạt kế hoạch đề ra, giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do:

- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19: Khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty lớn như Alumina, thủy điện, xăng dầu không ổn định; một số công ty nhỏ, công ty mới thành lập nghỉ, bỏ kinh doanh; Chính phủ thay đổi một số chính sách về thuế, phí, lệ phí như: Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định, hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh; gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng; giảm 50% lệ phí trước bạ và một số khoản phí, lệ phí do Trung ương ban hành.

- Tiến độ thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất thuộc các khu đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể trong thời gian qua còn chậm.

- Công tác thống kê, rà soát sắp xếp lại, xử lý tài sản công để cho thuê hoặc đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ tại các địa phương chưa thực hiện kịp thời, đầy đủ.

II. Chi ngân sách địa phương (NSDP):

Tổng chi NSDP thực hiện 09 tháng năm 2020 (bao gồm cả số giải ngân từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2019 sang) là 5.437.515 triệu đồng, đạt 97% dự toán, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước (Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN). Bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển 2.014.451 triệu đồng (trong đó giải ngân từ nguồn vốn năm trước sang 956.000 triệu đồng). Nếu loại trừ số giải ngân từ thu chuyển nguồn năm trước sang thì chi đầu tư phát triển 09 tháng năm 2020 đạt 51% dự toán giao.

2. Chi thường xuyên 3.301.366 triệu đồng (trong đó chuyển nguồn từ năm trước sang 465.000 triệu đồng). Nếu loại trừ số chi từ thu chuyển nguồn năm trước sang thì chi thường xuyên 09 tháng năm 2020 đạt 57% dự toán giao.

* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 09 tháng năm 2020 chưa đạt tiến độ đề ra, tuy tình hình chi ngân sách các tháng gần đây đã được đẩy nhanh nhằm kịp thời đảm bảo nhiệm vụ chi lương, chế độ cho các đối tượng chính sách, các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm như phòng, chống dịch Covid-19, bạch hầu, hạn hán và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2020 của các công trình, dự án còn thấp, đặc biệt là các dự án mở mới, do các chủ đầu tư chủ yếu tập trung giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 09 tháng năm 2020 của tỉnh Đắk Nông. *ke*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (TT).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bốn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2020(Kèm theo Báo cáo số **615/BC-UBND** ngày **14/10/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | Dự toán năm 2020 | Thực hiện 9 tháng | So sánh thực hiện với (%) | |
|------------|--|------------------|-------------------|---------------------------|-------------------|
| | | | | Dự toán | Cùng kỳ năm trước |
| A | B | 1 | 3 | 5 | 6 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NSDP | 7.228.327 | 7.808.716 | 108 | 120 |
| I | Thu cân đối NSDP | 2.335.198 | 1.519.670 | 65 | 94 |
| 1 | Thu nội địa | 2.335.198 | 1.506.711 | 65 | 94 |
| 2 | Thu từ dầu thô | | | | |
| 3 | Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu | | | | |
| 4 | Thu viện trợ | | | | |
| II | Thu huy động đóng góp | - | 12.959 | | 170 |
| III | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | - | 2.339.620 | | 123 |
| IV | Thu kết dư ngân sách | | 71.828 | | |
| V | Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên | | 24.137 | | 134 |
| VI | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 4.893.129 | 3.912.330 | 80 | 133 |
| B | TỔNG CHI NSDP | 7.253.700 | 5.461.652 | 75 | 124 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 2.073.057 | 2.135.149 | 103 | 143 |
| 2 | Chi thường xuyên | 4.946.208 | 3.301.366 | 67 | 114 |
| 3 | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | 900 | | - | |
| 4 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1.000 | 1.000 | 100 | 1.000 |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 112.353 | - | - | |
| 6 | Chi tạo nguồn CCTL | 120.182 | - | - | |
| 7 | Chi nộp ngân sách cấp trên | | 24.137 | | |
| 8 | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | | | |
| C | BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP | 25.373 | | - | |
| D | CHI TRẢ NỢ GÓC | 23.527 | 23.527 | 100 | |



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số **615**/BC-UBND ngày **14**/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | Dự toán 2020 TW giao | Dự toán 2020 ĐP giao | Thực hiện 9 tháng | Cùng kỳ năm trước | So sánh thực hiện với (%) | | |
|------------|---|-------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|---------------|----------------------|
| | | | | | | Dự toán TW | Dự toán ĐP | Cùng kỳ năm trước |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 4 | 5 | 6 |
| A | TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 2.473.200 | 2.700.000 | 1.768.505 | 1.900.136 | 72 | 66 | 93 |
| I | Thu nội địa | 2.303.200 | 2.530.000 | 1.673.599 | 1.761.726 | 73 | 66 | 95 |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN TW quản lý | 590.000 | 628.000 | 338.921 | 511.929 | 57 | 54 | 66 |
| 2 | Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý | 44.000 | 44.000 | 20.762 | 24.190 | 47 | 47 | 86 |
| 3 | Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài | 25.000 | 34.000 | 58.490 | 57.542 | 234 | 172 | 102 |
| 4 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 558.500 | 612.600 | 360.103 | 300.019 | 64 | 59 | 120 |
| 5 | Thuế thu nhập cá nhân | 145.000 | 145.000 | 119.779 | 103.293 | 83 | 83 | 116 |
| 6 | Thuế bảo vệ môi trường | 145.000 | 148.700 | 116.929 | 99.163 | 81 | 79 | 118 |
| 7 | Lệ phí trước bạ | 116.000 | 116.000 | 79.696 | 78.639 | 69 | 69 | 101 |
| 8 | Các loại phí, lệ phí | 175.000 | 181.800 | 160.383 | 120.735 | 92 | 88 | 133 |
| 9 | Các khoản thu về nhà, đất | 301.500 | 401.500 | 271.159 | 257.165 | 90 | 68 | 105 |
| - | Thuế sử dụng đất nông nghiệp | - | - | 6 | 153 | | | 4 |
| - | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 200 | 200 | 307 | 190 | 154 | 154 | 162 |
| - | Thu tiền sử dụng đất | 280.000 | 320.000 | 261.801 | 206.359 | 94 | 82 | 127 |
| - | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | 21.300 | 81.300 | 9.045 | 50.463 | 42 | 11 | 18 |
| - | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN | - | - | - | - | | | |
| 10 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 85.000 | 85.200 | 66.081 | 79.815 | 78 | 78 | 83 |
| 11 | Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước | 200 | 200 | - | 222 | - | - | - |
| 12 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | 23.000 | 23.000 | 14.509 | 18.162 | 63 | 63 | 80 |
| 13 | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | - | - | - | - | | | |
| 14 | Thu khác ngân sách | 95.000 | 110.000 | 66.787 | 110.852 | 70 | 61 | 60 |
| II | Thu từ dầu thô | - | - | - | - | | | |
| III | Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu | 170.000 | 170.000 | 81.947 | 130.774 | 48 | 48 | 63 |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu | 105.850 | 105.850 | 21.589 | 51.956 | 20 | 20 | 42 |
| 2 | Thuế xuất khẩu | 64.000 | 64.000 | 60.301 | 78.653 | 94 | 94 | 77 |
| 3 | Thuế nhập khẩu | 150 | 150 | 57 | 165 | 38 | 38 | 35 |
| 4 | Thuế tiêu tiêu thu đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu | | | | | | | |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu | | | | | | | |
| 6 | Thu khác | | | | | | | |
| IV | Thu viện trợ | | | | | | | |
| V | Thu huy động đóng góp | | | 12.959 | 7.636 | | | 170 |
| VI | Thu từ Quỹ | | | | | | | |
| B | THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CHIA | 2.138.900 | 2.335.198 | 1.506.711 | 1.603.443 | 70 | 65 | 94 |
| 1 | Từ các khoản thu phân chia | 1.068.330 | 1.075.116 | 645.633 | 782.202 | 60 | 60 | 83 |
| 2 | Các khoản thu NSDP được hưởng 100% | 1.070.570 | 1.260.082 | 861.078 | 821.241 | 80 | 68 | 105 |

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2020(Kèm theo Báo cáo số **615** /BC-UBND ngày **14/10/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | Dự toán năm 2019 | Thực hiện 9 tháng | So sánh thực hiện với (%) | |
|------------|---|------------------|-------------------|---------------------------|-------------------|
| | | | | Dự toán | Cùng kỳ năm trước |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | TỔNG CHI NSDP | 7.253.700 | 5.437.515 | 75 | 124 |
| I | Chi đầu tư phát triển | 2.073.057 | 2.135.149 | 103 | 143 |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 2.073.057 | 2.014.451 | 97 | 135 |
| 2 | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật | | 3.000 | | |
| 3 | Chi đầu tư phát triển khác | - | 117.698 | | |
| II | Chi thường xuyên | 4.946.208 | 3.301.366 | 67 | 114 |
| | Trong đó: | | | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 1.953.216 | 1.322.020 | 68 | 107 |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | 13.765 | 10.650 | 77 | 105 |
| 3 | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình | | 402.556 | | 104 |
| 4 | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin | | 49.280 | | 97 |
| 5 | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình | | 26.344 | | 92 |
| 6 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | | 5.536 | | 66 |
| 7 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | 48.928 | 19.764 | 40 | 65 |
| 8 | Chi sự nghiệp kinh tế | | 382.805 | | 150 |
| 9 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | | 712.509 | | 111 |
| 10 | Chi bảo đảm xã hội | | 188.281 | | 218 |
| III | Chi trả lãi các khoản vay | 900 | | - | |
| IV | Chi tạo nguồn thực hiện CCTL | 120.182 | | - | |
| V | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1.000 | 1.000 | 100 | |
| VI | Dự phòng ngân sách | 112.353 | | - | |

